



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Dương Ngọc Kiều Diễm - (04110)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm Anh	20/04/2004		8,0	Tám	C24QT3	
2	2210100077	Bùi Thị Kim Ánh	21/04/2004		8,0	Tám	C24QT3	
3	2210100091	Lê Huỳnh Quốc Bảo	21/03/2003		10	Mười	C24QT3	
4	2210100034	Phạm Thanh Đạt	08/09/2004		8,0	Tám	C24QT3	
5	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	10/12/2004		8,0	Tám	C24QT3	
6	2210100100	Trần Hồng Thái Hiền	19/02/2004		8,5	Tám, năm	C24QT3	
7	2210100086	Đặng Văn Hòa	29/03/2004		8,0	Tám	C24QT3	
8	2210100083	Phạm Thị Ngọc Hương	15/05/2004		8,0	Tám	C24QT3	
9	2210100080	Phan Quốc Lâm	20/06/2004		7,0	Bảy	C24QT3	
10	2210100074	Huỳnh Kim Long	03/09/2000		10	Mười	C24QT3	
11	2210100096	Kheo Thanh Long	19/02/2004		9,0	Chín	C24QT3	
12	2210100079	Lê Kim Muôn	21/10/2004		8,5	Tám, năm	C24QT3	
13	2210100082	Phạm Thị Trà My	25/06/2004		8,5	Tám, năm	C24QT3	
14	2210100085	Ngô Hồng Thái Mỹ	28/04/2004		9,0	Chín	C24QT3	
15	2210100097	Nguyễn Thị Thu Ngân	17/06/2004		8,0	Tám	C24QT3	
16	2210100089	Nguyễn Thị Yến Nhi	25/10/2004		8,0	Tám	C24QT3	
17	2210100075	Tổng Thị Dương Nhi	10/02/2004		8,0	Tám	C24QT3	
18	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm Nhu	29/06/2004		10	Mười	C24QT3	
19	2210100104	Võ Thị Kim Phụng	10/07/2004		8,5	Tám, năm	C24QT3	
20	2210100078	Huỳnh Mỹ Quỳnh	19/02/2004		8,5	Tám, năm	C24QT3	
21	2210100095	Huỳnh Thanh Quý	27/03/2004		8,0	Tám	C24QT3	
22	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng Sang	13/07/2004		10	Mười	C24QT3	
23	2210100103	Nguyễn Phú Thịnh	03/08/2001		9,0	Chín	C24QT3	
24	2210100071	Võ Thị Lệ Thu	19/05/2004		7,0	Bảy	C24QT3	
25	2210100043	Đặng Thị Anh Thư	14/03/2004		8,0	Tám	C24QT3	
26	2210100092	Hồ Thanh Thư	12/02/2004		8,0	Tám	C24QT3	
27	2210100099	Võ Hoàng Minh Thư	10/03/2004		8,0	Tám	C24QT3	
28	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	24/11/2004		8,5	Tám, năm	C24QT3	
29	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	05/02/2004		8,0	Tám	C24QT3	
30	2210100084	Nguyễn Kim Du Y	01/12/2004		8,0	Tám	C24QT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 30 vắng thi: 0 . Số bài thi: 30 / 30 .

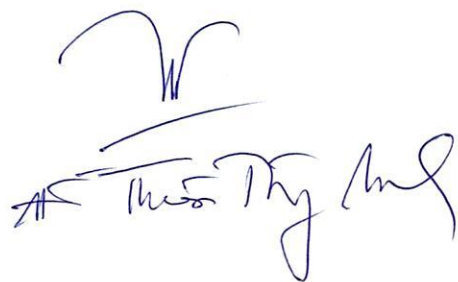
Số sinh viên đạt/không đạt: _____ / _____

Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 24 tháng 4 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

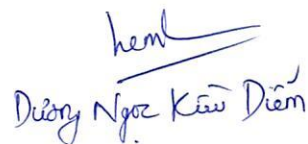
(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Anh

Ngày 10 tháng 5 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Dương Ngọc Khuê Diễm

TRƯ

KT

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Dương Ngọc Kiều Diễm - (04110)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm Anh	20/04/2004		8,5	Tám, năm	C24QT3	
2	2210100077	Bùi Thị Kim Ánh	21/04/2004		5,0	Năm	C24QT3	
3	2210100091	Lê Huỳnh Quốc Bảo	21/03/2003		10	Mười	C24QT3	
4	2210100034	Phạm Thành Đạt	08/09/2004		8,5	Tám, năm	C24QT3	
5	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	10/12/2004		5,0	Năm	C24QT3	
6	2210100100	Trần Hồng Thái Hiền	19/02/2004		6,5	Sáu, năm	C24QT3	
7	2210100086	Đặng Văn Hòa	29/03/2004		5,0	Năm	C24QT3	
8	2210100083	Phạm Thị Ngọc Hương	15/05/2004		7,5	Bảy, năm	C24QT3	
9	2210100080	Phan Quốc Lâm	20/06/2004		8,5	Tám, năm	C24QT3	
10	2210100074	Huỳnh Kim Long	03/09/2000		6,0	Sáu	C24QT3	
11	2210100096	Kheo Thanh Long	19/02/2004		8,0	Tám	C24QT3	
12	2210100079	Lê Kim Muôn	21/10/2004		5,5	Năm, năm	C24QT3	
13	2210100082	Phạm Thị Trà My	25/06/2004		8,5	Tám, năm	C24QT3	
14	2210100085	Ngô Hồng Thái Mỹ	28/04/2004		5,5	Năm, năm	C24QT3	
15	2210100097	Nguyễn Thị Thu Ngân	17/06/2004		5,0	Năm	C24QT3	
16	2210100089	Nguyễn Thị Yến Nhi	25/10/2004		6,5	Sáu, năm	C24QT3	
17	2210100075	Tổng Thị Dương Nhi	10/02/2004		8,5	Tám, năm	C24QT3	
18	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm Nhu	29/06/2004		9,5	Chín, năm	C24QT3	
19	2210100104	Võ Thị Kim Phụng	10/07/2004		6,5	Sáu, năm	C24QT3	
20	2210100078	Huỳnh Mỹ Quỳnh	19/02/2004		6,5	Sáu, năm	C24QT3	
21	2210100095	Huỳnh Thanh Quý	27/03/2004		5,5	Năm, năm	C24QT3	
22	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng Sang	13/07/2004		5,0	Năm	C24QT3	
23	2210100103	Nguyễn Phú Thịnh	03/08/2001		5,0	Năm	C24QT3	
24	2210100071	Võ Thị Lệ Thu	19/05/2004		6,5	Sáu, năm	C24QT3	
25	2210100043	Đặng Thị Anh Thư	14/03/2004		8,5	Tám, năm	C24QT3	
26	2210100092	Hồ Thanh Thư	12/02/2004		5,0	Năm	C24QT3	
27	2210100099	Võ Hoàng Minh Thư	10/03/2004		5,0	Năm	C24QT3	
28	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	24/11/2004		5,0	Năm	C24QT3	
29	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	05/02/2004		6,5	Sáu, năm	C24QT3	
30	2210100084	Nguyễn Kim Du Y	01/12/2004		5,5	Năm, năm	C24QT3	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 30 vắng thi: 0. Số bài thi: 30 / 30.

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: %, %

Ngày 24 tháng 4 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

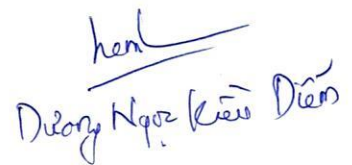
(ký & ghi rõ họ tên)


Trần Thị Mỹ

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Dương Ngọc Kiên Diễm

TRƯỞ
KF

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYÊN

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Dương Ngọc Kiều Diễm - (04110)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100116	Trương Ngọc Bảo Châu	04/08/2004	Chau	7,5	Bảy, năm	C24QT4	
2	2210100111	Dương Thanh Được	06/05/2004	Thu	8,0	Tám	C24QT4	
3	2210100141	Phan Thị Ngân Hà	09/11/2004	Ba	8,0	Tám	C24QT4	
4	2210100143	Huỳnh Quang Hoàng	30/10/2004	Quang	10	Mười	C24QT4	
5	2210100107	Võ Thị Mỹ Hường	21/04/2004	Mumy	8,5	Tám, năm	C24QT4	
6	2210100142	Nguyễn Thị Kim Khoa	23/08/2004	Phhoa	8,0	Tám	C24QT4	
7	2210100124	Đỗ Thị Kim Liên	19/06/2004	lien	8,5	Tám, năm	C24QT4	
8	2210100117	Đông Thị Nhã Linh	01/03/2004	gonglit	9,5	Chín, năm	C24QT4	
9	2210100026	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	11/04/2004	sin	7,0	Bảy	C24QT4	
10	2210100120	Mai Thị Diễm My	24/09/2004	My	8,0	Tám	C24QT4	
11	2210100137	Nguyễn Thị Hoàng Ngân	20/08/2004	ngan	7,0	Bảy	C24QT4	
12	2210100130	Tạ Thị Trúc Ngân	14/05/2004	Ngan	8,0	Tám	C24QT4	
13	2210100114	Võ Thanh Nghiêm	07/07/2004	thanh	8,0	Tám	C24QT4	
14	2210100119	Giao Thị Thanh Nguyên	14/11/2004	thanhnguyen	8,5	Tám, năm	C24QT4	
15	2210100122	Lê Thị Yến Nhi	23/02/2004	th	8,0	Tám	C24QT4	
16	2210100121	Bùi Nguyễn Quỳnh Như	15/10/2004	linh	8,5	Tám, năm	C24QT4	
17	2210100125	Lê Tấn Phát	30/01/2004	ph	10	Mười	C24QT4	
18	2210100136	Lê Trọng Phúc	02/04/2004	phuc	8,0	Tám	C24QT4	
19	2210100118	Nguyễn Nguyệt Quế	01/07/2004	Qua	8,5	Tám, năm	C24QT4	
20	2210100126	Lê Thị Kim Quyên	02/08/2004	quyen	10	Mười	C24QT4	
21	2010100067	Nguyễn Việt Thanh	05/05/2001	th	8,0	Tám	C22QT2	
22	2210100127	Huỳnh Ngọc Thảo	16/03/2004	thao	8,5	Tám, năm	C24QT4	
23	2210100132	Lê Thị Thảo	29/08/2004	thao	8,0	Tám	C24QT4	
24	2210100139	Nguyễn Thành Tiên	04/06/2004	leen	4,0	Bốn	C24QT4	
25	2210100140	Phan Thanh Trúc	22/12/2003	ph	8,5	Tám, năm	C24QT4	
26	2210100138	Lê Thị Yến Xuân	19/08/2004	th	7,5	Bảy, năm	C24QT4	
27	2210100129	Đặng Thị Kim Yến	03/06/2004	kyen	7,0	Bảy	C24QT4	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 27 vắng thi: 0. Số bài thi: 27 / 27.

Số sinh viên đạt/không đạt: / Tỷ lệ đạt: %, %

Ngày 24 tháng 4 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Anh

Ngày 10 tháng 3 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Nguyễn Kiều Diễm

TRƯ
KI

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Dương Ngọc Kiều Diễm - (04110)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100116	Trương Ngọc Bảo	Châu	04/08/2004	Chau	7,0	Bảy	C24QT4
2	2210100111	Dương Thanh	Được	06/05/2004	The	8,5	Tám, năm	C24QT4
3	2210100141	Phạm Thị Ngân	Hà	09/11/2004	Phan	5,0	Năm	C24QT4
4	2210100143	Huỳnh Quang	Hoàng	30/10/2004	Huynh Quang	7,0	Bảy	C24QT4
5	2210100107	Võ Thị Mỹ	Hường	21/04/2004	Huong	7,5	Bảy, năm	C24QT4
6	2210100142	Nguyễn Thị Kim	Khoa	23/08/2004	Xhoa	8,5	Tám, năm	C24QT4
7	2210100124	Đỗ Thị Kim	Liên	19/06/2004	Don	8,5	Tám, năm	C24QT4
8	2210100117	Đồng Thị Nhã	Linh	01/03/2004	Doong Thi	6,5	Sáu, năm	C24QT4
9	2210100026	Nguyễn Ngọc Thùy	Linh	11/04/2004	Sinh	8,5	Tám, năm	C24QT4
10	2210100120	Mai Thị Diễm	My	24/09/2004	My	5,5	Năm, năm	C24QT4
11	2210100137	Nguyễn Thị Hoàng	Ngân	20/08/2004	nguyen	5,0	Năm	C24QT4
12	2210100130	Tạ Thị Trúc	Ngân	14/05/2004	Ta	5,0	Năm	C24QT4
13	2210100114	Võ Thanh	Nghiêm	07/07/2004	Thanh	7,0	Bảy	C24QT4
14	2210100119	Giao Thị Thanh	Nguyên	14/11/2004	Thanh	8,5	Tám, năm	C24QT4
15	2210100122	Lê Thị Yến	Nhi	23/02/2004	L	8,5	Tám, năm	C24QT4
16	2210100121	Bùi Nguyễn Quỳnh	Như	15/10/2004	Bui	8,5	Tám, năm	C24QT4
17	2210100125	Lê Tấn	Phát	30/01/2004	Ph	9,0	Chín	C24QT4
18	2210100136	Lê Trọng	Phúc	02/04/2004	Le	5,0	Năm	C24QT4
19	2210100118	Nguyễn Nguyệt	Quế	01/07/2004	Nguyen	5,5	Năm, năm	C24QT4
20	2210100126	Lê Thị Kim	Quỳnh	02/08/2004	Quynh	10	Mười	C24QT4
21	2010100067	Nguyễn Việt	Thanh	05/05/2001	Thi	8,5	Tám, năm	C22QT2
22	2210100127	Huỳnh Ngọc	Thảo	16/03/2004	Huy	9,0	Chín	C24QT4
23	2210100132	Lê Thị	Thảo	29/08/2004	The	6,0	Sáu	C24QT4
24	2210100139	Nguyễn Thành	Tiên	04/06/2004				C24QT4
25	2210100140	Phan Thanh	Trúc	22/12/2003	Phan	8,5	Tám, năm	C24QT4
26	2210100138	Lê Thị Yến	Xuân	19/08/2004	L	5,5	Năm, năm	C24QT4
27	2210100129	Đặng Thị Kim	Yến	03/06/2004	Nguyen	5,0	Năm	C24QT4

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 26 vắng thi: 07. Số bài thi: 26 / 26.

Số sinh viên đạt/không đạt: /

Tỷ lệ đạt: %, %

Ngày...24...tháng...4...năm...2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)


Trương Thị Huệ

Ngày...10...tháng...3...năm...2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)


Dương Ngọc Kiều Diễm

TRƯC
KH

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Dương Ngọc Kiều Diễm

Ngày thi: 03/04/2023

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 3

Giám thị 1: Lê Trung Sơn

Ký tên: Ước

Giám thị 2: Ngô Tiến Dũng

Ký tên: Ước

Giám thị 3: P. Quang Sang

Ký tên: Ước

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm Anh	20/04/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
2	2210100077	Bùi Thị Kim Ánh	21/04/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
3	2210100091	Lê Huỳnh Quốc Bảo	21/03/2003	<u>Ước</u>				C24QT3	
4	2210100116	Trương Ngọc Bảo Châu	04/08/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
5	2210100034	Phạm Thành Đạt	08/09/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
6	2210100111	Dương Thanh Được	06/05/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
7	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	10/12/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
8	2210100141	Phan Thị Ngân Hà	09/11/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
9	2210100100	Trần Hồng Thái Hiền	19/02/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
10	2210100143	Huỳnh Quang Hoàng	30/10/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
11	2210100086	Đặng Văn Hòa	29/03/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
12	2210100083	Phạm Thị Ngọc Hương	15/05/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
13	2210100107	Võ Thị Mỹ Hường	21/04/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
14	2210100142	Nguyễn Thị Kim Khoa	23/08/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
15	2210100080	Phan Quốc Lâm	20/06/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
16	2210100124	Đỗ Thị Kim Liên	19/06/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
17	2210100117	Đồng Thị Nhã Linh	01/03/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
18	2210100026	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	11/04/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
19	2210100074	Huỳnh Kim Long	03/09/2000	<u>Ước</u>				C24QT3	
20	2210100096	Kheo Thanh Long	19/02/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
21	2210100079	Lê Kim Muôn	21/10/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
22	2210100120	Mai Thị Diễm My	24/09/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
23	2210100082	Phạm Thị Trà My	25/06/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
24	2210100085	Ngô Hồng Thái Mỹ	28/04/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
25	2210100137	Nguyễn Thị Hoàng Ngân	20/08/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
26	2210100097	Nguyễn Thị Thu Ngân	17/06/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
27	2210100130	Tạ Thị Trúc Ngân	14/05/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
28	2210100114	Võ Thanh Nghiêm	07/07/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
29	2210100119	Giao Thị Thanh Nguyên	14/11/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
30	2210100122	Lê Thị Yến Nhi	23/02/2004	<u>Ước</u>				C24QT4	
31	2210100089	Nguyễn Thị Yến Nhi	25/10/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	
32	2210100075	Tổng Thị Dương Nhi	10/02/2004	<u>Ước</u>				C24QT3	

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
33	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm Nhu	29/06/2004					C24QT3	
34	2210100121	Bùi Nguyễn Quỳnh Như	15/10/2004					C24QT4	
35	2210100125	Lê Tấn Phát	30/01/2004					C24QT4	
36	2210100136	Lê Trọng Phúc	02/04/2004					C24QT4	
37	2210100104	Võ Thị Kim Phụng	10/07/2004					C24QT3	
38	2210100118	Nguyễn Nguyệt Quế	01/07/2004					C24QT4	
39	2210100126	Lê Thị Kim Quyên	02/08/2004					C24QT4	
40	2210100078	Huỳnh Mỹ Quỳnh	19/02/2004					C24QT3	
41	2210100095	Huỳnh Thanh Quý	27/03/2004					C24QT3	
42	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng Sang	13/07/2004					C24QT3	
43	2010100067	Nguyễn Việt Thanh	05/05/2001					C22QT2	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 43 vắng thi: 0. Số bài thi/Số tờ: 43 / 88.

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____%

Ngày: 24 tháng 4 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

Ngày: 5 tháng 4 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

Đường Ngọc Kiều Diễm

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2022-2023

Môn học: Tiền tệ - Ngân hàng

Mã bài thi: L1AQ0M

Thời gian thi: 03/04/2023 07:45:00

Thời gian kết thúc: 03/04/2023 08:45:00

Giám thị 1: Lê Trung Sơn Ký tên: ah
Giám thị 2: Nguyễn Văn Dũng Ký tên: _____
Giám thị 3: Phạm Trung Sơn Ký tên: _____
Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100090	Đoàn Ngọc Trâm Anh	20/04/2004	<u>[Chữ ký]</u>	7.5	Bảy, năm	C24QT3	
2	2210100091	Lê Huỳnh Quốc Bảo	21/03/2003	<u>[Chữ ký]</u>	7.8	Bảy, tám	C24QT3	
3	2210100034	Phạm Thành Đạt	08/09/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5	Năm	C24QT3	
4	2210100094	Nguyễn Thị Quỳnh Giao	10/12/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5.5	Năm, năm	C24QT3	
5	2210100100	Trần Hồng Thái Hiền	19/02/2004	<u>[Chữ ký]</u>	6.2	Sáu, hai	C24QT3	
6	2210100143	Huỳnh Quang Hoàng	30/10/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5.2	Năm, hai	C24QT4	
7	2210100107	Võ Thị Mỹ Hương	21/04/2004	<u>[Chữ ký]</u>	3.5	Ba, năm	C24QT4	
8	2210100080	Phan Quốc Lâm	20/06/2004	<u>[Chữ ký]</u>	7.2	Bảy, hai	C24QT3	
9	2210100124	Đỗ Thị Kim Liên	19/06/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5	Năm	C24QT4	
10	2210100026	Nguyễn Ngọc Thùy Linh	11/04/2004	<u>[Chữ ký]</u>	7.2	Bảy, hai	C24QT4	
11	2210100096	Kheo Thanh Long	19/02/2004	<u>[Chữ ký]</u>	6.5	Sáu, năm	C24QT3	
12	2210100120	Mai Thị Diễm My	24/09/2004	<u>[Chữ ký]</u>	6.2	Sáu, hai	C24QT4	
13	2210100085	Ngô Hồng Thái Mỹ	28/04/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5.2	Năm, hai	C24QT3	
14	2210100097	Nguyễn Thị Thu Ngân	17/06/2004	<u>[Chữ ký]</u>	3.2	Ba, hai	C24QT3	<u>[Chữ ký]</u>
15	2210100130	Tạ Thị Trúc Ngân	14/05/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5.8	Năm, tám	C24QT4	
16	2210100114	Võ Thanh Nghiêm	07/07/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5.2	Năm, hai	C24QT4	
17	2210100075	Tổng Thị Dương Nhi	10/02/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5.5	Năm, năm	C24QT3	
18	2210100122	Lê Thị Yên Nhi	23/02/2004	<u>[Chữ ký]</u>	6.5	Sáu, năm	C24QT4	
19	2210100121	Bùi Nguyễn Quỳnh Như	15/10/2004	<u>[Chữ ký]</u>	7.2	Bảy, hai	C24QT4	
20	2210100104	Võ Thị Kim Phụng	10/07/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5.8	Năm, tám	C24QT3	
21	2210100118	Nguyễn Nguyệt Quế	01/07/2004	<u>[Chữ ký]</u>	4.2	Bốn, hai	C24QT4	
22	2210100095	Huỳnh Thanh Quý	27/03/2004	<u>[Chữ ký]</u>	6.2	Sáu, hai	C24QT3	
23	2010100067	Nguyễn Việt Thanh	05/05/2001	<u>[Chữ ký]</u>	4.2	Bốn, hai	C22QT2	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 23

Số sinh viên đạt: 21

Ngày 24 tháng 4 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Chữ ký]
AP Thuận Mỹ

Ngày 5 tháng 4 năm 2023

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Chữ ký]
Nguyễn Ngọc Kiều Diễm

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2022-2023

Môn học: Tiền tệ - Ngân hàng

Mã bài thi: 6QC0RH

Thời gian thi: 03/04/2023 07:45:00

Thời gian kết thúc: 03/04/2023 08:45:00

Giám thị 1: Lê Trung Sơn Ký tên: [Chữ ký]
Giám thị 2: Ngô Văn Dũng Ký tên: [Chữ ký]
Giám thị 3: Phạm Đức Sơn Ký tên: [Chữ ký]
Giám thị 4: [Chữ ký] Ký tên: [Chữ ký]

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100077	Bùi Thị Kim Ánh	21/04/2004	<u>[Chữ ký]</u>	7.2	Bảy, hai	C24QT3	
2	2210100116	Trương Ngọc Bảo Châu	04/08/2004	<u>[Chữ ký]</u>	6	Sáu	C24QT4	
3	2210100111	Dương Thanh Được	06/05/2004	<u>[Chữ ký]</u>	6.5	Sáu, năm	C24QT4	
4	2210100141	Phan Thị Ngân Hà	09/11/2004	<u>[Chữ ký]</u>	6	Sáu	C24QT4	
5	2210100086	Đặng Văn Hòa	29/03/2004	<u>[Chữ ký]</u>	4.5	Bốn, năm	C24QT3	
6	2210100083	Phạm Thị Ngọc Hương	15/05/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5.2	Năm, hai	C24QT3	
7	2210100142	Nguyễn Thị Kim Khoa	23/08/2004	<u>[Chữ ký]</u>	3.8	Ba, tám	C24QT4	
8	2210100117	Đông Thị Nhã Linh	01/03/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5.8	Năm, tám	C24QT4	
9	2210100074	Huỳnh Kim Long	03/09/2000	<u>[Chữ ký]</u>	6.8	Sáu, tám	C24QT3	
10	2210100079	Lê Kim Muôn	21/10/2004	<u>[Chữ ký]</u>	6.5	Sáu, năm	C24QT3	
11	2210100082	Phạm Thị Trà My	25/06/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5.5	Năm, năm	C24QT3	
12	2210100137	Nguyễn Thị Hoàng Ngân	20/08/2004	<u>[Chữ ký]</u>	4.8	Bốn, tám	C24QT4	
13	2210100119	Giao Thị Thanh Nguyên	14/11/2004	<u>[Chữ ký]</u>	6.2	Sáu, hai	C24QT4	
14	2210100089	Nguyễn Thị Yên Nhi	25/10/2004	<u>[Chữ ký]</u>	6	Sáu	C24QT3	
15	2210100102	Nguyễn Thị Cẩm Nhu	29/06/2004	<u>[Chữ ký]</u>	7.2	Bảy, hai	C24QT3	
16	2210100125	Lê Tấn Phát	30/01/2004	<u>[Chữ ký]</u>	7.8	Bảy, tám	C24QT4	
17	2210100136	Lê Trọng Phúc	02/04/2004	<u>[Chữ ký]</u>	4.8	Bốn, tám	C24QT4	
18	2210100126	Lê Thị Kim Quyên	02/08/2004	<u>[Chữ ký]</u>	4.2	Bốn, hai	C24QT4	
19	2210100078	Huỳnh Mỹ Quỳnh	19/02/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5.5	Năm, năm	C24QT3	
20	2210100072	Nguyễn Đình Hoàng Sang	13/07/2004	<u>[Chữ ký]</u>	5.2	Năm, hai	C24QT3	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 20

Số sinh viên đạt: 19

Ngày 04 tháng 4 năm 2023

TRƯỜNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Chữ ký]
Thư Nguyễn

Ngày 5 tháng 4 năm 2023

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Chữ ký]
Đặng Ngọc Kiều Diễm



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 2 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Tiền tệ - Ngân hàng - MH1104039

Mã lớp học phần: MH110403902

Số tín chỉ: 2

Giảng viên giảng dạy: Dương Ngọc Kiều Diễm

Ngày thi: 03/04/2023

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: PM 1

Giám thị 1: Cao Thế Vinh

Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Nguyễn Thị

Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____

Ký tên: _____

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100127	Huỳnh Ngọc Thảo	16/03/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT4	
2	2210100132	Lê Thị Thảo	29/08/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT4	
3	2210100103	Nguyễn Phú Thịnh	03/08/2001	<u>[Signature]</u>				C24QT3	
4	2210100071	Võ Thị Lệ Thu	19/05/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT3	
5	2210100043	Đặng Thị Anh Thư	14/03/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT3	
6	2210100092	Hồ Thanh Thư	12/02/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT3	
7	2210100099	Võ Hoàng Minh Thư	10/03/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT3	
8	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	24/11/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT3	
9	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	05/02/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT3	
10	2210100140	Phan Thanh Trúc	22/12/2003	<u>[Signature]</u>				C24QT4	
11	2210100138	Lê Thị Yến Xuân	19/08/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT4	
12	2210100084	Nguyễn Kim Du Y	01/12/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT3	
13	2210100129	Đặng Thị Kim Yến	03/06/2004	<u>[Signature]</u>				C24QT4	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 13 vắng thi: 0 Số bài thi/Số tờ: 13 / 13

Số sinh viên đạt: _____ Tỷ lệ đạt: _____ %

Ngày 24 tháng 4 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Thảo Thị Thảo

Ngày 5 tháng 4 năm 2023

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Dương Ngọc Kiều Diễm

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2022-2023

Môn học: Tiền tệ - Ngân hàng

Mã bài thi: FQ7T7W

Thời gian thi: 03/04/2023 07:45:00

Thời gian kết thúc: 03/04/2023 08:45:00

Giám thị 1: La Thi Thu Ký tên: LT

Giám thị 2: Minh Thi Ký tên: MT

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100127	Huỳnh Ngọc Thảo	16/03/2004	<u>HT</u>	7	Bảy	C24QT4	
2	2210100132	Lê Thị Thảo	29/08/2004	<u>LT</u>	5	Năm	C24QT4	
3	2210100043	Đặng Thị Anh Thư	14/03/2004	<u>DTAT</u>	7	Bảy	C24QT3	
4	2210100092	Hồ Thanh Thư	12/02/2004	<u>HT</u>	5	Năm	C24QT3	
5	2210100093	Nguyễn Thị Cẩm Tiên	24/11/2004	<u>NTCT</u>	5.2	Năm, hai	C24QT3	
6	2210100098	Nguyễn Thị Mỹ Tiên	05/02/2004	<u>NTMT</u>	4	Bốn	C24QT3	
7	2210100138	Lê Thị Yên Xuân	19/08/2004	<u>LT</u>	4.5	Bốn, năm	C24QT4	
8	2210100084	Nguyễn Kim Du Y	01/12/2004	<u>NTKY</u>	4.5	Bốn, năm	C24QT3	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 8

Số sinh viên đạt: 8

Ngày 14 tháng 4 năm 2023

TRƯỜNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Mỹ Tiên

Ngày 5 tháng 4 năm 2023

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

hcm
Dương Ngọc Kiều Diễm

BAN QUẢN LÝ CÁC KCX&CN TP.HCM
TRƯỜNG CAO ĐẲNG BÁN CÔNG CÔNG NGHỆ
VÀ QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ

Học kỳ: 2 - Năm học 2022-2023

Môn học: Tiền tệ - Ngân hàng

Mã bài thi: MF3PS4

Thời gian thi: 03/04/2023 07:45:00

Thời gian kết thúc: 03/04/2023 08:45:00

Giám thị 1: Cao Thị Thanh Ký tên: [Signature]

Giám thị 2: Nguyễn Thị Thu Ký tên: [Signature]

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và Tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2210100103	Nguyễn Phú Thịnh	03/08/2001	<u>Thịnh</u>	4.5	Bốn, năm	C24QT3	
2	2210100071	Võ Thị Lệ Thu	19/05/2004	<u>Thu</u>	5.2	Năm, hai	C24QT3	
3	2210100099	Võ Hoàng Minh Thư	10/03/2004	<u>Thư</u>	4.5	Bốn, năm	C24QT3	
4	2210100140	Phan Thanh Trúc	22/12/2003	<u>Trúc</u>	6.8	Sáu, tám	C24QT4	
5	2210100129	Đặng Thị Kim Yến	03/06/2004	<u>Yến</u>	3.2	Ba, hai	C24QT4	

Lưu ý:

- Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.
- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Số sinh viên dự thi: 5

Số sinh viên đạt: 4

Ngày 24 tháng 4 năm 2023

TRƯỞNG KHOA/PHÒNG

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
A5 Thảo Thy HQ

Ngày 5 tháng 4 năm 2023

GIẢNG VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)

[Signature]
Nguyễn Ngọc Kiều Diễm